TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12-10-2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trưởng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chín Hiệp.

2. Bà Nguyễn Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Xóm 15, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm 15, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Nguyên quán: Xóm B, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 08 tháng 5 năm 2018, bản tự khai, lời khai của nguyên đơn anh Đặng Thanh T; ý kiến tại văn bản ngày 31 tháng 5 năm 2018, lời khai của của bị đơn chị Đặng Thị H và các tài liệu lưu trong hồ sơ vụ án; lời khai của các đương sự tại phiên toà, nội dung vụ án như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Thanh T kết hôn với chị Đặng Thị H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02-02-2007 tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi cưới, vợ chồng anh - chị chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh T nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Do kinh tế vợ chồng khó khăn, thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi nhau trong lối sống sinh hoạt hàng ngày; chị H có lời lẽ ứng xử không tốt, cãi nhau với gia đình chồng dẫn tới vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng kéo dài, đến tháng 4-2014 chị H bỏ ra ngoài thuê nhà ở trọ cùng xóm nên vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay. Cuối năm 2014, anh đã làm đơn ly hôn với chị H, sau đó anh đã rút đơn ly hôn nên Toà án đình chỉ việc giải quyết vụ án. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị xin được ly hôn chị H.

Theo chị H nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Do vợ chồng không tin tưởng nhau về kinh tế, anh T làm công nhân có lương nhưng không đưa cho chị H; vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do gia đình chồng quá khắt khe trong sinh hoạt hàng ngày. Anh T còn đi ngoại tình với người phụ nữ khác, không quan tâm tới vợ, con. Đến cuối năm 2014, vợ chồng cãi nhau căng thẳng, chị H xin phép bố mẹ chồng đi thuê nhà trọ ở cùng xóm, vợ chồng ly thân nhau. Cuối năm 2014 anh T làm đơn xin ly hôn với chị nhưng đã rút đơn ly hôn. Sau khi anh T rút đơn ly hôn vợ chồng không thể đoàn tụ với nhau được, chị đồng ý ly hôn với điều kiện anh T đồng ý để chị được nuôi dưỡng con chung.

- *Về con chung:* Vợ chồng anh - chị có 02 con chung là cháu Trần Thanh L, sinh ngày 06-3-2007 và cháu Trần Thành Đ, sinh ngày 18-8-2012, hiện đều do anh T đang nuôi dưỡng.

+ Anh T đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

+ Chị H đề nghị được nuôi dưỡng cháu Đ, giao anh T nuôi dưỡng cháu L tới khi các cháu đủ 18 tuổi. Đôi bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Nhưng anh T không đồng ý cho chị H nuôi dưỡng cháu Đ vì chị H không có trách nhiệm với con chung, bỏ mặc cho gia đình chồng nuôi dưỡng hai cháu từ khi vợ chồng ly thân đến nay.

- *Về tài sản và nợ chung, các vấn đề khác:* Anh T và chị H đều xác định vợ chồng không có nên đều không yêu cầu Toà án phải xem xét, giải quyết.

Toà án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành.

Tại phiên toà:

- Anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị được ly hôn chị H. Đề nghị được nuôi dưỡng 02 cháu Trần Thanh L, Trần Thành Đ tới khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn.

- Chị H cho rằng: Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2014 đến nay, anh T ngoại tình với người phụ nữ khác, tình cảm vợ chồng không còn, chị nhất trí ly hôn anh T. Đề nghị được quyền nuôi con chung là cháu Trần Thành Đ tới khi cháu đủ 18 tuổi, đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Thanh T và chị Đặng Thị H là hợp pháp. Tại phiên toà các đương sự đều nhất trí ly hôn, đề nghị xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T - chị H. Về con chung đề nghị giao anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Thanh L, giao chị H nuôi

dưỡng cháu Trần Thành Đ đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thanh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Thanh T và chị Đặng Thị H là hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đã ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Điều đó chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên toà các đương sự thuận tình ly hôn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong vụ án này, vợ chồng anh T - chị H có hai con chung là cháu Trần Thanh L và Trần Thành Đ. Anh T không đồng ý cho chị H nuôi cháu Đ vì cho rằng chị không có trách nhiệm, bỏ mặc các cháu là không đúng vì sau khi vợ chồng ly thân chị H đã thuê nhà gần gia đình chồng để có điều kiện thăm nom các cháu thường xuyên; mặt khác, anh không đưa ra được chứng cứ tước quyền nuôi con của chị H. Anh T, chị H đều có quyền trực tiếp nuôi con chung. Chị H làm công nhân, có thu nhập ổn định, là phụ nữ, đề nghị được nuôi cháu Đ, xét đề nghị của chị H là chính đáng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh Tùng làm công nhân có thu nhập ổn định, có nguyện vọng được nuôi con chung, cháu L có nguyện vọng được ở với anh nên giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu L là phù hợp. Các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Thanh T tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, 39, 147, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Thanh T và chị Đặng Thị H.

2. Về con chung:

- Giao cháu Trần Thanh L, sinh ngày 06-3-2007 cho anh Trần Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Giao cháu Trần Thành Đ, sinh ngày 18-8-2012 cho chị Đặng Thị H nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh T, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và công nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc anh Trần Thanh T phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Tùng đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 03953 ngày 14-5-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Quốc Trưởng